

I. Mạo từ là gì? (What are Articles?)

Mạo từ là những từ đứng trước danh từ để cho biết danh từ đó đang đề cập đến một đối tượng xác định hay không xác định. Trong tiếng Anh có ba mạo từ là **a**, **an**, **the**. Chúng được chia thành hai loại chính:

- **Mạo từ không xác định (Indefinite Articles):** a, an
- **Mạo từ xác định (Definite Article):** the

II. Mạo từ không xác định "A / AN" (Indefinite Articles)

1. Cách dùng chung

"A/An" được dùng trước một danh từ đếm được số ít, khi người nói đề cập đến một đối tượng chung chung hoặc chưa được nhắc đến trước đó.

- **Ví dụ 1:** She wants to buy **a** new dress. (Cô ấy muốn mua một chiếc váy mới - một chiếc váy bất kỳ, chưa xác định).
- **Ví dụ 2:** I saw **an** elephant at the zoo. (Tôi đã thấy một con voi ở sở thú - lần đầu nhắc đến con voi).

2. Phân biệt cách dùng "A" và "AN"

Việc dùng "a" hay "an" phụ thuộc vào **phiên âm (cách phát âm)** của từ đứng ngay sau nó, không phụ thuộc vào cách viết.

Mạo từ "A"	Mạo từ "AN"
Được dùng trước một từ bắt đầu bằng một phụ âm (consonant sound).	Được dùng trước một từ bắt đầu bằng một nguyên âm (vowel sound - u, e, o, a, i).
Cấu trúc: A + danh từ đếm được số ít (bắt đầu bằng phụ âm)	Cấu trúc: AN + danh từ đếm được số ít (bắt đầu bằng nguyên âm)
Ví dụ: • a book (bắt đầu bằng âm /b/) • a teacher (bắt đầu bằng âm /t/) • a university (bắt đầu bằng âm /ju:/, là một phụ âm) • a European country (bắt đầu bằng âm /jʊər/, là một phụ âm)	Ví dụ: • an apple (bắt đầu bằng âm /æ/) • an egg (bắt đầu bằng âm /e/) • an hour (chữ 'h' là âm câm, bắt đầu bằng âm /aʊər/) • an honest man (chữ 'h' là âm câm, bắt đầu bằng âm /ɒ/)

III. mạo từ xác định "THE" (Definite Article)

"The" được dùng trước danh từ (số ít, số nhiều, đếm được, không đếm được) khi đối tượng đó đã được xác định cụ thể mà cả người nói và người nghe đều biết.

1. Khi vật thể/người đã được nhắc đến trước đó

Giải thích: Khi đối tượng được nhắc đến lần thứ hai, nó đã trở nên xác định.

- **Ví dụ:** I have a dog and a cat. **The** dog is very friendly. (Tôi có một con chó và một con mèo. Con chó đó rất thân thiện - con chó đã được nhắc đến ở câu trước).

2. Khi vật thể/người là duy nhất, ai cũng biết

Giải thích: Dùng với những thứ chỉ có một trên đời hoặc trong một bối cảnh cụ thể.

- **Ví dụ 1:** **The** Sun is very hot. (Mặt Trời rất nóng).
- **Ví dụ 2:** **The** Earth moves around the Sun. (Trái Đất quay quanh Mặt Trời).
- **Ví dụ 3:** Who is **the** president of your country? (Ai là tổng thống của nước bạn?).

3. Trước so sánh nhất và số thứ tự

Giải thích: So sánh nhất (the most..., the -est) và số thứ tự (first, second...) luôn mang tính xác định.

- **Ví dụ 1:** She is **the** most intelligent student in my class. (Cô ấy là học sinh thông minh nhất lớp tôi).
- **Ví dụ 2:** This is **the** first time I have visited Ha Long Bay. (Đây là lần đầu tiên tôi đến thăm Vịnh Hạ Long).

4. Trước tên của sông, biển, đại dương, dãy núi, sa mạc, quần đảo

- **Ví dụ 1 (Sông):** **The** Red River flows through Hanoi. (Sông Hồng chảy qua Hà Nội).

- **Ví dụ 2 (Đại dương):** **The** Pacific Ocean is the largest ocean in the world.
(Thái Bình Dương là đại dương lớn nhất thế giới).
- **Ví dụ 3 (Dãy núi):** They went climbing in **the** Alps. (Họ đã đi leo núi ở dãy An-pơ).

5. Trước tên một số quốc gia

Giải thích: Dùng với tên quốc gia có chứa các từ như "kingdom", "republic", "states" hoặc ở dạng số nhiều.

- **Ví dụ:** **the** United States (the USA), **the** United Kingdom (the UK), **the** Philippines.

6. Trước tên nhạc cụ (khi nói về kỹ năng chơi)

Cấu trúc: play + **the** + tên nhạc cụ

- **Ví dụ 1:** My sister can play **the** piano very well. (Chị gái tôi có thể chơi piano rất giỏi).
- **Ví dụ 2:** Do you know how to play **the** guitar? (Bạn có biết chơi đàn guitar không?).

7. Dùng "the + tính từ" để chỉ một nhóm người

Giải thích: Cấu trúc này tạo ra một danh từ số nhiều chỉ một tầng lớp hoặc nhóm người có chung đặc điểm.

- **Ví dụ 1:** We should help **the** poor and **the** homeless. (Chúng ta nên giúp đỡ người nghèo và người vô gia cư).

- **Ví dụ 2:** **The** rich are not always happier than **the** poor. (Người giàu không phải lúc nào cũng hạnh phúc hơn người nghèo).

8. Dùng "the + họ (số nhiều)" để chỉ cả gia đình

- **Ví dụ:** **The** Smiths are our new neighbors. (Gia đình nhà Smith là hàng xóm mới của chúng tôi).

IV. Các trường hợp không dùng mạo từ (Zero Article)

Trong nhiều trường hợp, chúng ta không sử dụng bất kỳ mạo từ nào trước danh từ.

1. Trước danh từ không đếm được hoặc danh từ số nhiều mang nghĩa chung chung

- **Ví dụ 1:** I love **music**. (Tôi yêu âm nhạc - nói chung).
- **Ví dụ 2:** **Tigers** are wild animals. (Hổ là động vật hoang dã - nói chung).
- **Ví dụ 3:** **Information** is important. (Thông tin thì quan trọng - nói chung).

2. Trước tên riêng, tên thành phố, hầu hết tên quốc gia, châu lục, ngọn núi đơn lẻ

- **Ví dụ 1:** My name is **Linh**. I live in **Hanoi**. (Tên tôi là Linh. Tôi sống ở Hà Nội).
- **Ví dụ 2:** **Vietnam** is a beautiful country in **Asia**. (Việt Nam là một đất nước xinh đẹp ở châu Á).

3. Trước tên các bữa ăn

- **Ví dụ 1:** What time do you have **breakfast**? (Bạn ăn sáng lúc mấy giờ?).
- **Ví dụ 2:** Let's go out for **dinner** tonight. (Hãy ra ngoài ăn tối nay nhé).
- **Lưu ý:** Khi bữa ăn được mô tả cụ thể, ta dùng "the". Ví dụ: **The** dinner we had last night was excellent.

4. Trước tên các môn thể thao, trò chơi

- **Ví dụ 1:** He enjoys playing **football** with his friends. (Anh ấy thích chơi bóng đá với bạn bè).
- **Ví dụ 2:** My favorite game is **chess**. (Trò chơi yêu thích của tôi là cờ vua).

5. Trước các phương tiện đi lại trong cụm từ với "by"

Cấu trúc: go/travel + by + phương tiện

- **Ví dụ 1:** I go to school **by bus** every day. (Tôi đi học bằng xe buýt mỗi ngày).
- **Ví dụ 2:** They will travel to Da Nang **by plane**. (Họ sẽ đi du lịch Đà Nẵng bằng máy bay).

6. Trong một số cụm từ cố định

- **Ví dụ:** at **home**, in **bed**, at **school**, to **church**, go to **work**.